

Số: 50 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức chi và kinh phí thực hiện công tác
phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật
của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi và kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định nội dung, mức chi và kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi là công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật).

Điều 2. Nội dung chi

Thực hiện theo Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP).

Điều 3. Mức chi

1. Mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và các quy định cụ thể của địa phương.

2. Một số khoản chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo mức chi tại phụ lục đính kèm.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách; được bố trí trong dự toán của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ngân sách Trung ương cấp kinh phí xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật.

3. Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật để triển khai thực hiện một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm, trọng điểm do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Hàng năm, trên cơ sở tổng hợp dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính để xem xét hỗ trợ bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

a) Chi tổ chức tập huấn văn bản pháp luật mới, bồi dưỡng kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Xây dựng các chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

c) Chi cho tủ sách pháp luật; thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho một số đối tượng đặc thù theo quy định tại Mục 2 Chương II Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ trọng điểm của các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 5. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Lập dự toán ngân sách:

a) Hàng năm, các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương và các nhiệm

vụ được giao theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; các chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của năm và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ban hành kế hoạch để làm căn cứ lập dự toán ngân sách.

b) Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí chi tiết cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính (đối với Sở, ban ngành cấp tỉnh), phòng Tài chính Kế hoạch (đối với các phòng, ban cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán ngân sách hàng năm cho đơn vị. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Đối với kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ cho công tác xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật và để triển khai thực hiện một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm, trọng điểm trên địa bàn tỉnh: hàng năm, Sở Tư pháp tổng hợp dự toán ngân sách của các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở tổng hợp dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh, dự kiến nguồn thu, nhiệm vụ chi của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp dự toán đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ theo các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP gửi Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính trước ngày 25 tháng 7 hàng năm.

2. Việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật được thực hiện theo chế độ và quy định quản lý tài chính hiện hành.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế các quy định về mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang. Đối với các quy định về nội dung chi và mức chi phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định 11/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *✓*

- Bộ Tài chính (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. TH, TT. Công báo - Tin học.



[Handwritten signature]
Hồ Việt Hiệp

PHỤ LỤC

**Một số khoản chi có tính chất đặc thù trong công tác
phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật**
(kèm theo Quyết định số 50 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch			
a	Xây dựng đề cương:			Tùy theo quy mô, tính chất và nhiệm vụ của chương trình, đề án, kế hoạch
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.000	
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.600	
b	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch:			
	- Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	Chương trình, đề án, kế hoạch	2.400	
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	400	
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý:			
	- Chủ trì	Người/buổi	160	
	- Thành viên dự	Người/buổi	80	
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	400	
đ	Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch:			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	80	
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	250	
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	
e	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	Văn bản	400	
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật			Áp dụng chế độ thù lao giảng viên theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
a	Thù lao báo cáo viên là Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	Người/buổi	1.000	
b	Thù lao báo cáo viên là Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư, chuyên gia cao cấp, tiến sĩ khoa học	Người/buổi	800	
c	Thù lao báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên chính	Người/buổi	600	
d	Thù lao báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên)	Người/buổi	500	
đ	Thù lao báo cáo viên cấp huyện thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	300	
e	Thù lao tuyên truyền viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật	Người/buổi	150	
g	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này	
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù			
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	800	
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	240	
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.200	
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	4.000	
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	20	Không quá 1 ngày
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	10	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường			
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	Tối đa 250% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Chi áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Tối đa 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	
6	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác			Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT BTC-BGD&ĐT
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên Internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
	- Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.000	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức để quyết định mức thuê
	- Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	8.000	Tùy theo quy mô, địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức thuê
	- Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	250	
	- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)			Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC
c	Chi giải thưởng:			
	- Giải nhất:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.000	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải nhì:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.000	
	+ Cá nhân		900	
	- Giải ba:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.500	
	+ Cá nhân		600	
	- Giải khuyến khích:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		900	
	+ Cá nhân		300	
	- Giải phụ khác		150	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
7	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở			
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	60	Tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh:			
	- Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15	
	- Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20	
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật			
a	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Từ/năm	2.000	Thực hiện theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
b	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100	
c	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50	
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương	Báo cáo	40	
b	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	40	
c	Viết báo cáo:			
	- Báo cáo định kỳ hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương	Báo cáo	2.000	
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	2.000	
	- Báo cáo đột xuất	Báo cáo	800	
10	Chi khen thưởng cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh			
a	Khen thưởng cấp xã, cấp huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở	Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
b	Khen thưởng cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở	